

**CÔNG VĂN ĐẾN**

Số: 244

**THÔNG BÁO**

Tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ năm 2020 đợt I

Ngày: 16 tháng 12 năm 2019

Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ năm 2020 đợt 1 như sau:

**Chỉ tiêu tuyển sinh và chuyên ngành đào tạo**

- a) **Chỉ tiêu tuyển sinh:** 10 chỉ tiêu cho tất các chuyên ngành.  
b) **Chuyên ngành đào tạo và mã số**

TT	Chuyên ngành đào tạo	Mã số
1	Bảo vệ thực vật	9620112
2	Công nghệ sinh học	9420201
3	Di truyền và Chọn giống cây trồng	9620111
4	Khoa học cây trồng	9620110
5	Khoa học đất	9620103

(Gồm 05 chuyên ngành)

**2. Hình thức và thời gian đào tạo**

- a) **Hình thức đào tạo:** Hệ không tập trung.  
b) **Thời gian đào tạo:** 4 năm đối với người có bằng thạc sĩ; 5 năm đối với người có bằng đại học.

**3. Phương thức và thời gian tuyển sinh**

- a) **Phương thức:** Xét tuyển.  
b) **Thời gian:** Tháng 4 năm 2020.

**4. Điều kiện dự tuyển:** Người dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ phải đáp ứng các điều kiện sau:

4.1. Có bằng thạc sĩ phù hợp với chuyên ngành đăng ký dự tuyển hoặc bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy loại giỏi, ngành phù hợp với chuyên ngành đăng ký dự tuyển.

4.2. Có 01 bài báo hoặc báo cáo liên quan đến lĩnh vực dự định nghiên cứu đăng trên tạp chí khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành có phản biện trong thời hạn 03 năm (36 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

4.3. Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải có một trong những văn bằng, chứng chỉ minh chứng về năng lực ngoại ngữ như sau:

a) Bằng tốt nghiệp đại học hoặc bằng thạc sĩ do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp cho người học toàn thời gian ở nước ngoài mà ngôn ngữ sử dụng trong quá trình học tập là tiếng Anh hoặc tiếng nước ngoài khác. Văn bằng tốt nghiệp ở nước ngoài cấp phải được công nhận bằng văn bản theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (đăng ký gửi văn bằng công nhận thẳng tại Cục Khảo thí và kiểm định chất lượng giáo dục – Bộ Giáo dục và Đào tạo, khi nộp hồ sơ dự xét tuyển phải có giấy công nhận.

b) Bằng tốt nghiệp đại học các ngành ngôn ngữ nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

c) Chứng chỉ tiếng Anh TOEFL IBT từ 45 điểm trở lên, TOEFL PBT từ 450 – 500 điểm trở lên hoặc Chứng chỉ IELTS (Academic Test) từ 5.0 trở lên do một tổ chức



khảo thí được quốc tế và Việt Nam công nhận cấp trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển;

d) Người dự tuyển có ngôn ngữ sử dụng trong thời gian học tập không phải là tiếng Anh; hoặc có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài không phải là tiếng Anh; hoặc có các chứng chỉ tiếng nước ngoài khác tiếng Anh ở trình độ tương đương (*quy định tại Phụ lục I đính kèm*), do một tổ chức khảo thí được quốc tế và Việt Nam công nhận cấp trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển, thí sinh phải có khả năng giao tiếp được bằng tiếng Anh trong chuyên môn (có thể diễn đạt những vấn đề thuộc lĩnh vực chuyên môn cho người khác hiểu bằng tiếng Anh và hiểu được người khác trình bày những vấn đề chuyên môn bằng tiếng Anh).

4.4. Người dự tuyển là công dân nước ngoài phải có trình độ tiếng Việt tối thiểu từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ theo quy định cụ thể của cơ sở đào tạo.

4.5. Đạt đủ điều kiện về kinh nghiệm quản lý và thâm niên công tác theo yêu cầu cụ thể của từng ngành dự tuyển do thủ trưởng cơ sở đào tạo quy định.

## **6. Hồ sơ và số lượng dự tuyển:**

Hồ sơ dự tuyển nộp: 02 bộ, gồm có những mục sau

a) Đơn xin dự tuyển (*Mẫu*)

b) Lý lịch khoa học (Có xác nhận của Thủ trưởng cơ quan quản lý hoặc chính quyền địa phương nơi thí sinh cư trú xác nhận thân nhân tốt và không vi phạm pháp luật (với người chưa có việc làm) (*Mẫu*))

c) Bản sao công chứng bằng tốt nghiệp đại học, bảng điểm đại học; Bảng thạc sĩ và bảng điểm thạc sĩ.

d) Minh chứng kinh nghiệm nghiên cứu khoa học: Có 01 bài báo hoặc báo cáo liên quan đến lĩnh vực dự định nghiên cứu đăng trên tạp chí khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành có phản biện trong thời hạn 03 năm (36 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

- Thâm niên công tác: Không yêu cầu kinh nghiệm nghiên cứu đối với thí sinh vừa mới tốt nghiệp đại học có bằng loại giỏi trở lên; Trường hợp khác cần có ít nhất 01 năm kinh nghiệm nghiên cứu;

đ) Bài luận dự định nghiên cứu (*chi tiết yêu cầu đối với bài luận nghiên cứu sinh dự xét tuyển tại phụ lục đính kèm*).

e) Đề cương nghiên cứu của nghiên cứu sinh.

f) Có 2 thư giới thiệu của 2 nhà khoa học có chức danh GS, PGS hoặc tiến sĩ khoa học (TSKH), tiến sĩ (TS), hoặc thư giới thiệu của Thủ trưởng đơn vị công tác của thí sinh, đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển (*ít nhất có 06 tháng công tác hoặc cùng hoạt động chuyên môn với thí sinh*): Nhận xét đánh giá về phẩm chất nghề nghiệp, năng lực chuyên môn và khả năng thực hiện nghiên cứu của người dự tuyển.

g) Công văn giới thiệu cử đi dự tuyển của cơ quan nơi công tác (*đối với, trường đại học nơi sinh viên tốt nghiệp hoặc xác nhận thân nhân tốt, hiện không vi phạm pháp luật của địa phương nơi cư trú đối với người hiện tại chưa có việc làm*).

h) Bản sao quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm hoặc hợp đồng lao động dài hạn.

i) Giấy chứng nhận đủ sức khỏe để học tập của bệnh viện đa khoa.

k) Bản sao công chứng văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ, văn bằng học đại học hoặc thạc sĩ nước ngoài (Chứng nhận của Cục Khảo thí và kiểm định chất lượng giáo dục của Bộ Giáo dục đào tạo).

k) Cam kết thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với quá trình đào tạo theo qui định của Viện (Mẫu).

**7. Địa điểm và thời hạn nộp hồ sơ:**

**7.1. Hồ sơ đăng ký xét tuyển nhận và nộp tại:**

a) Ban Thông tin và Đào tạo, Viện Khoa học Nông nghiệp VN, Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì, Hà Nội; ĐT. 04.38614326 và 0904177888; Email: huehuongdtsdh@gmail.com

b) Văn phòng Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp miền Nam, số 121 Nguyễn Bình Khiêm, phường ĐaKao, quận I, Tp Hồ Chí Minh, điện thoại: 08.38228371.

c) Phòng quản lý khoa học và HTQT, Viện Lúa ĐB sông Cửu Long, xã Tân Thạnh, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ, ĐT: 0710.3862972

**7.2. Thời hạn nộp hồ sơ: Trước ngày 01/4/2020**

**8. Địa điểm và thời gian xét tuyển:**

**8.1. Địa điểm xét tuyển:**

a) Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam, Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì – Hà Nội.

b) Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp miền Nam, số 121 Nguyễn Bình Khiêm, phường ĐaKao, Quận I thành phố Hồ Chí Minh.

c) Viện Lúa đồng bằng sông Cửu Long, xã Tân Thạnh, huyện Thới Lai, TP Cần Thơ.

**8.2. Thời gian xét tuyển:** Dự kiến từ 25/4/2020 đến 29/4/2020 (Lịch cụ thể của từng tiểu ban chuyên môn sẽ thông báo trên Website của Viện).

**9. Thời hạn công bố kết quả trúng tuyển và Làm thủ tục nhập học**

**9.1. Thời gian công bố kết quả trúng tuyển: Dự kiến tháng 5/2020.**

**9.2. Làm thủ tục nhập học: Dự kiến Tháng 5/2020.**

Mọi chi tiết xin liên hệ: Ban Thông tin và Đào tạo, Viện Khoa học Nông nghiệp VN (Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì, Hà Nội); ĐT: (024)36490491; 0904177888.

Chi tiết tại: Email: [sdhvaas@gmail.com](mailto:sdhvaas@gmail.com); Website: <http://www.vaas.org.vn>

**Nơi nhận:**

- Bộ Giáo dục & ĐT (đề b/c);
- Bộ NN & PTNT (đề b/c);
- Các đơn vị có nhu cầu đào tạo;
- Lưu VT, TTĐT.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Đào Thế Anh**

**Phụ lục 1: BẢNG THAM CHIẾU CÁC CHỨNG CHỈ TIẾNG NƯỚC NGOÀI**

STT	Chứng chỉ	Trình độ
1	TOEFL IBT/TOEFL PBT	45 – 93/(450 – 500)
2	IELTS	5 - 6.5
3	Cambridge examination	CAE 45-59 PET Pass with Distinction
4	CIEP/Alliance française diplomas	TCF B2, DELF B2 Diplôme de Langue
5	Goethe -Institut	Goethe- Zertifikat B2 Zertifikat Deutsch für den Beruf (ZDfB)
6	TestDaF	TDN3- TDN4
7	Chinese Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK level 6
8	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N2
9	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному (TORFL - Test of Russian as a Foreign Language)	ТРКИ-2

**Phụ lục 2. DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH/ ĐỀ TÀI NCKH CÁC CẤP, DỰ ÁN HỢP TÁC QUỐC TẾ CỦA VIỆN**

TT	Tên nhiệm vụ KHCN	Cá nhân chủ trì	Thời gian thực hiện
	<i>Viện Nghiên cứu Rau quả</i>		
1	Nghiên cứu tạo giống cà chua ưu thế lai kháng bệnh sương mai ( <i>Phytophthora infestans</i> ) năng suất cao, chất lượng tốt	TS. Trần Ngọc Hùng	2016-2020
2	<i>Viện Di truyền Nông nghiệp</i>		
3	Nghiên cứu chọn tạo giống lúa kháng bệnh bạc lá bằng chỉ thị phân tử (Giai đoạn 2).	TS. Võ Thị Minh Tuyền	2017-2020
4	Phân lập thiết kế gen kháng sâu tạo giống đậu tương biến đổi gen.	TS. Mai Đức Chung	2017-2020
	<i>Viện Cây lương thực và Cây thực phẩm</i>		
5	Nghiên cứu xây dựng gói kỹ thuật canh tác tiên tiến nâng cao hiệu quả sản xuất lúa cho các tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng	ThS. Đỗ Thế Hiếu	2017-2020
6	Nghiên cứu xây dựng gói kỹ thuật canh tác tiên tiến giảm chi phí trong sản xuất lúa cho các tỉnh duyên hải miền Trung	TS. Lại Đình Hòa	2017-2020
	<i>Viện lúa đồng bằng sông Cửu Long</i>		
7	Nghiên cứu xây dựng gói kỹ thuật canh tác tiên tiến giảm chi phí trong sản xuất lúa cho các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long.	TS. Trần Ngọc Thạch	2017-2020
8	Ứng dụng công nghệ cao trong nhân giống mía quy mô công nghiệp và sản xuất mía hàng hóa năng suất, chất lượng cao tại khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên, và một số tỉnh có lợi thế.	PGS.TS. Hà Thị Thủy	2017-2020

B)	<b>Nhiệm vụ nghiên cứu KHCN</b>		
	<b>Viện Cây lương thực và Cây thực phẩm</b>		
9	Nghiên cứu chọn tạo giống lúa lai hai, ba dòng năng suất cao, chất lượng tốt cho các tỉnh phía Bắc	ThS. Lê Hùng Phong	2016-2020
10	Nghiên cứu chọn tạo giống ngô có năng suất chất xanh và chất lượng cao làm thức ăn gia súc	TS. Ngô Thị Minh Tâm	2016-2020
	<b>Viện Thổ nhưỡng Nông hoá</b>		
11	Nghiên cứu sản xuất phân bón hòa tan hàm lượng cao sử dụng qua hệ thống tưới tiết kiệm cho một số cây trồng cạn	TS. Nguyễn Quang Hải	2016-2019
	<b>Viện KHKT Nông lâm nghiệp miền núi phía Bắc</b>		
12	Nghiên cứu tuyển chọn, lai tạo giống bơ cho các tỉnh phía Bắc	ThS. Hà Tiết Cung	2016-2020
	<b>Viện Khoa học kỹ thuật Nông lâm nghiệp Tây Nguyên</b>		
13	Nghiên cứu về giống và biện pháp kỹ thuật tổng hợp phát triển hồ tiêu bền vững	TS. Đặng Bá Đàn	2016-2020
	<b>Viện Môi trường Nông nghiệp</b>		
14	Nghiên cứu chọn tạo giống sắn cho vùng thâm canh và vùng khó khăn	TS. Nguyễn Hữu Hỷ	2016-2020
15	Nghiên cứu chọn tạo giống đậu và giống tằm cho vụ hè đạt năng suất cao cho các tỉnh phía Bắc	ThS. Lê Quang Tú	2016-2020
	<b>Đề tài/DA mới</b>		
	<b>Đề tài cấp Bộ mới</b>		
	<b>Viện Cây lương thực và Cây thực phẩm</b>		
16	Nghiên cứu chọn tạo giống lạc năng suất cao, chất lượng tốt cho vùng trồng lạc chính tại các tỉnh phía Bắc.	ThS. Nguyễn Xuân Thu	2017-2021
17	Nghiên cứu chọn tạo giống đậu tương cho các tỉnh phía Bắc.	TS. Trần Thị Trường	2017-2021
	<b>Viện Nghiên cứu Rau quả</b>		
18	Nghiên cứu chọn tạo giống và gói kỹ thuật thâm canh cây có múi cho một số vùng trồng chủ lực ở phía Bắc.	Vũ Việt Hưng	2017-2021
19	Nghiên cứu chọn tạo giống cà chua, ớt cay, dưa chuột cho các tỉnh phía Bắc.	TS. Ngô Thị Hạnh	2017-2021
20	Nghiên cứu tuyển chọn giống và hoàn thiện quy trình kỹ thuật thâm canh một số cây ăn quả chủ lực (chuối, cam, bưởi, nhãn, vải) ở các tỉnh phía Bắc	PGS.TS. Nguyễn Quốc Hùng	2017-2021
	<b>Viện Nghiên cứu Ngô</b>		
21	Nghiên cứu chọn tạo giống ngô nếp, ngô đường năng suất cao, chất lượng tốt cho các tỉnh phía Bắc	TS. Nguyễn Thị Nhài	2017-2021
	<b>Viện Bảo vệ thực vật</b>		
	<b>Viện KHKT Nông lâm nghiệp miền núi phía Bắc</b>		
22	Nghiên cứu chọn tạo giống chè xanh năng suất, chất lượng cao cho một số vùng chè chính của Việt Nam.	PGS.TS. Nguyễn Văn Toàn	2017-2021

	<i>Viện KHKTNN Bắc Trung bộ</i>		
23	Nghiên cứu chọn tạo giống sắn và khoai lang cho vùng Bắc Trung bộ.	TS. Phạm Văn Linh	2017-2021
	<i>Viện Khoa học kỹ thuật Nông lâm nghiệp Tây Nguyên</i>		
24	Nghiên cứu chọn tạo giống cà phê năng suất, chất lượng cao, chịu hạn phục vụ sản xuất cà phê bền vững.	ThS. Đinh Thị Tiểu Oanh	2017-2021
25	Nghiên cứu tuyển chọn giống và hoàn thiện quy trình kỹ thuật thâm canh chuối, sầu riêng, cam, bơ phục vụ nội tiêu và xuất khẩu cho các tỉnh Tây Nguyên	TS. Hoàng Mạnh Cường	2017-2021
	<i>Viện Cây ăn quả miền Nam</i>		
26	Nghiên cứu chọn tạo giống và biện pháp kỹ thuật sản xuất một số cây ăn quả chủ lực (cam, bưởi, sầu riêng, chôm chôm) trong điều kiện xâm nhập mặn tại Nam bộ.	TS. Võ Hữu Thoại	2017-2021
27	Nghiên cứu chọn tạo giống và hoàn thiện quy trình kỹ thuật thâm canh một số cây ăn quả chủ lực (chuối, xoài, sầu riêng, nhãn) phục vụ nội tiêu và xuất khẩu cho các tỉnh Nam Bộ	TS. Trần Thị Oanh Yến	2017-2021
	<i>Viện KHKT nông lâm nghiệp miền núi phía Bắc</i>		
28	Hoàn thiện quy trình kỹ thuật và nhân giống vải chín sớm PH40.	Ths. Hà Quang Thường	2017-2020
	<i>Viện KHKT nông lâm nghiệp Tây Nguyên</i>		
29	Sản xuất thử các giống cà phê với chín muộn TR14, TR15 chất lượng cao tại các tỉnh Tây Nguyên.	ThS. Nguyễn Thị Thanh Mai	2017-2020

**Phụ lục 3. DANH MỤC CÁC CÁN BỘ KHOA HỌC CÓ THỂ TIẾP NHẬN NCS, SỐ LƯỢNG NCS CÓ THỂ TIẾP NHẬN THEO TỪNG HƯỚNG NGHIÊN CỨU/LĨNH VỰC NGHIÊN CỨU (BAO GỒM CẢ HƯỚNG DẪN CHÍNH VÀ HƯỚNG DẪN PHỤ)**

TT	Họ và tên cán bộ khoa học	Chức danh khoa học, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành được đào tạo (tính theo văn bằng trình độ cao nhất)	Lĩnh vực chuyên môn sâu	Số lượng NCS tiếp nhận, HD1 hay HD2	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Trịnh Khắc Quang	PGS, 2013	TS, Việt Nam, 2000	Trồng trọt	Cây rau, Cây lấy củ, hoa		
2	Nguyễn Văn Toàn	PGS, 2015	TS	Khoa học cây trồng	Cây công nghiệp		
3	Đào Thế Anh	PGS, 2019	TS, Việt Nam, 2001	Nông học	Bảo tồn, đánh giá và sử dụng nguồn gen		
4	Lê Khả Tường	PGS, 2015	TS, Việt Nam, 2001	Nông học	Bảo tồn, đánh giá và sử dụng nguồn gen.		

5	Đặng Văn Đông	PGS, 2015	TS, Việt Nam, 2005	Nông học	cây hoa		
6	Nguyễn Văn Dũng		TS, Việt Nam, 2010	Khoa học cây trồng	Cây ăn quả		
7	Vũ Việt Hưng		TS, Việt Nam, 2011	Khoa học cây trồng			
8	Nguyễn Xuân Lai		TS, VN 2010	Khoa học cây trồng			
9	Lê Văn Dũng		TS,	Trồng trọt	Cây ngô		
10	Lê Văn Hải		TS	Trồng trọt	Cây ngô		
11	Nguyễn Văn Thu			Trồng trọt			
12	Đoàn Mạnh Tường			Trồng trọt			
13	Nguyễn Đức Cương			Trồng trọt			
14	Kiều Xuân Đàm		TS, Việt Nam, 2002	Nông học	Cây ngô		
15	Lương Văn Vàng		TS	Trồng trọt	Cây ngô		
16	Đặng Văn Thư		TS	Trồng trọt	Cây công nghiệp		
17	Phạm Văn Linh		TS, VN2011	Trồng trọt			
18	Hồ Huy Cường		TS, Việt Nam, 2012	Trồng trọt	Cây lương thực, cây công nghiệp		
19	Phan Thanh Hải		TS, Việt Nam, 2008	Trồng trọt			
20	Đặng Bá Đàn		TS	Trồng trọt	Hệ thống canh tác		
21	Võ Hữu Thoại		TS	Trồng trọt	Cây ăn quả		
22	Phạm Văn Dân		TS	Trồng trọt	Khoa học cây trồng, cây lúa		
23	Phạm Hùng Cương		TS, Việt Nam, 2014	Khoa học cây trồng			
24	Nguyễn Thị Quỳnh Thuận			Trồng trọt	Nông học		
25	Đào Minh Sô		TS	Trồng trọt	Khoa học cây trồng		
26	Bùi Quang Đăng		TS	Trồng trọt	Cây ăn quả		
27	Trần Công Khanh		TS	Trồng trọt	Nông học		
28	Lưu Ngọc Quyến		TS	Trồng trọt	Canh tác bền vững, cây công nghiệp		
29	Phạm Quang Hà	PGS, 2007	TS, VQ Bi, 1998	Khoa học đất	Tính chất đất, môi trường đất		
30	Mai Văn Trịnh	PGS, 2014	TS	Khoa học đất	Tính chất đất, môi trường đất		
31	Trịnh Công Tư	PGS, 2015	TS	Khoa học đất	Đất, dinh dưỡng cây trồng		
32	Nguyễn Quang Chơn		TS	Khoa học đất	Đất, dinh dưỡng cây trồng		

33	Đào Huy Đức		TS	Khoa học đất	Đất, dinh dưỡng cây trồng		
34	Nguyễn Quang Hải		TS	Khoa học đất	Đất, dinh dưỡng cây trồng		
35	Trần Minh Tiến	PGS, 2019	TS, Đan Mạch, 2009	Khoa học đất	Đánh giá đất nâng cao		
36	Nguyễn Văn Đạo		TS	Khoa học đất	Đất, dinh dưỡng cây trồng		
37	Cao Kỳ Sơn		TS	Khoa học đất	Đất, dinh dưỡng cây trồng		
38	Vũ Tiến Khang		TS	Khoa học đất	Đất, dinh dưỡng cây trồng		
39	Trần Thị Ngọc Sơn		TS	Khoa học đất	Đất, dinh dưỡng cây trồng		
40	Phạm Ngọc Tuấn		TS	Khoa học đất	Đất, dinh dưỡng cây trồng		
41	Đỗ Duy Phái		TS	Khoa học đất	Đất, dinh dưỡng cây trồng		
42	Nguyễn Văn Tuất	GS, 2013	TS, LB Nga, 1990	Sinh học	Bệnh hại cây trồng NC; Quản lý cây trồng tổng hợp		
43	Nguyễn Hồng Sơn	GS, 2015	TS	Bảo vệ thực vật	Côn trùng, quản lý cây trồng tổng hợp		
44	Ngô Lục Tự Cường		TS	Bảo vệ thực vật	Bệnh hại cây trồng		
45	Đặng Thị Phương Lan		TS Việt Nam 2012	Bảo vệ thực vật	Bệnh hại cây trồng		
46	Nguyễn Văn Liêm		TS,	Bảo vệ thực vật	Côn trùng; Quản lý côn trùng hại cây trồng		
47	Hà Minh Thanh		TS,	Bảo vệ thực vật	Bệnh hại cây trồng		
48	Trịnh Xuân Hoạt		TS, Nhật Bản, 2007	Bệnh cây và sinh học phân tử	CNSH trong phòng chống bệnh hại; Chẩn đoán bệnh		
49	Phạm Ngọc Dung		TS	Bảo vệ thực vật	Bệnh hại cây trồng		
50	Nguyễn Thị Thủy		TS, Việt Nam, 2012	Bảo vệ thực vật	Côn trùng hại cây trồng		
51	Nguyễn Huy Chung		TS	Bảo vệ thực vật	Bệnh hại cây trồng		
52	Hồ Lệ Thi		TS	Bảo vệ thực vật	Bệnh hại cây trồng		
53	Nguyễn Văn Hòa		TS	Bảo vệ thực vật	Bệnh hại cây trồng		
54	Lê Phúc Điền		TS	Bảo vệ thực vật	Bệnh hại cây trồng		
55	Phạm Văn Nhạ		TS	Bảo vệ thực vật	Bệnh hại cây trồng		

56	Nguyễn Trí Hoàn	PGS, 2002	TS	Di truyền Chọn giống	Cây lúa		
57	Lã Tuấn Nghĩa	PGS, 2013	TS, Việt Nam, 2001	Công nghệ gen	Chọn giống cây trồng; Bảo tồn, đánh giá và sử dụng nguồn gen		
58	Nguyễn Quốc Hùng	PGS, 2016	TS, Việt Nam, 2005	Chọn giống và nhân giống	Cây ăn quả		
59	Ngô Thị Hạnh		TS,	Di truyền Chọn giống	Cây rau màu		
60	Phạm Mỹ Linh		TS	Di truyền Chọn giống	Cây rau màu		
61	Đương Kim Thoa		TS	Di truyền Chọn giống	Cây rau màu		
62	Trần Ngọc Hùng		TS	Di truyền Chọn giống	Cây rau màu, CNSH trong chọn giống cây trồng		
63	Lưu Minh Cúc	PGS, năm 2017	TS, VN	Di truyền Chọn giống	CNSH trong chọn giống cây trồng		
64	Đặng Minh Tâm		TS	Di truyền Chọn giống	Chọn giống cây trồng		
65	Bùi Thanh Liêm		TS	Di truyền Chọn giống	Chọn giống cây trồng		
66	Huỳnh Văn Nghiệp		TS Việt Nam, 2012	Di truyền Chọn giống	Cây lúa		
67	Nguyễn Thúy Kiều Tiên		TS, Việt Nam 2012	Di truyền Chọn giống	Cây lúa		
68	Hà Văn Nhân		TS, Việt Nam	Di truyền Chọn giống	Cây lúa		
69	Nguyễn Văn Lâm		TS	Di truyền Chọn giống	Chọn giống cây trồng		
70	Trần Thị Trường	PGS, năm 2017	TS, CH Sec, 1998	Khoa học cây trồng	Cây lấy hạt trên cạn		
71	Vũ Văn Chè		TS		Chọn giống cây trồng		
72	Ngô Thị Minh Tâm		TSm Việt Nam năm 2008	Di truyền và chọn giống cây trồng	Cây ngô		
73	Đặng Ngọc Hạ		TS, Việt Nam, 2007	Chọn giống và nhân giống cây trồng	Cây lấy hạt trên cạn		
77	Châu Ngọc Lý		TS, Việt Nam 2012	Di truyền và chọn giống cây trồng	Cây ngô		
75	Vương Huy Minh		TS, Việt Nam, 2012	Di truyền và chọn giống cây trồng	Cây ngô		
76	Nguyễn Thị Nhài		TS, VN 2011	Di truyền Chọn giống	Cây ngô		
77	Bùi Mạnh Cường		TS Việt Nam	Di truyền Chọn giống	Cây lấy hạt trên cạn		

78	Nguyễn Thị Minh Phương		TS	Di truyền Chọn giống	Cây công nghiệp		
79	Nguyễn Thị Hồng Lam		TS, VN 2012	Di truyền Chọn giống	Cây công nghiệp		
80	Nguyễn Thị Lan Hoa		TS, Việt Nam, 2013	Di truyền Chọn giống	Cây lương thực		
81	Hoàng Thị Lan Hương		TS, VN 2012	Di truyền Chọn giống	Rau hoa		
82	Trần Kim Định		TS	Di truyền Chọn giống			
83	Trần Thanh Hùng		TS	Di truyền Chọn giống	Cây lương thực		
84	Lê Quý Kha		TS, VN, 2006	Khoa học cây trồng	Cây lương thực		
85	Tạ Hồng Lĩnh		TS, VN 2013	Di truyền Chọn giống	Cây lúa		
86	Nguyễn Thế Yên		TS, VN	Di truyền giống	Cây lương thực		
87	Trần Danh Sứ		TS, VN, 2008	Di truyền Chọn giống	Cây lương thực		
88	Võ Thị Minh Tuyên		TS	Di truyền Chọn giống	Cây lương thực		
89	Lê Đức Thảo		TS, Việt Nam, 2010	Di truyền và chọn giống CT	Cây lương thực, hoa		
90	Lê Huy Hàm	GS, 2015	TS, Liên Xô	Sinh học	Chọn giống, CNSH		
91	Nguyễn Văn Đồng	PGS, 2015	TS,	Sinh học	Công nghệ gen, tế bào TV		
92	Đặng Trọng Lương	PGS, 2013	TS,	Di truyền	Chọn giống phân tử		
93	Phạm Xuân Hội	GS, 2019	TS, Ấn Độ, 2001	Sinh học phân tử thực vật	CNSH trong bệnh cây; Chọn giống kháng		
94	Phạm Văn Toàn	GS, 2017	TS, Đức, 1990	Sinh học	CN vi sinh, phân bón		
95	Khuất Hữu Trung	PGS, 2017	TS	Công nghệ sinh học	Công nghệ sinh học		
96	Trần Đăng Khánh	PGS, 2017	TS	Công nghệ sinh học	Công nghệ sinh học		
97	Trần Đức Trung		TS, Đức	Sinh học	Công nghệ sinh học		
98	Phạm Bích Hiên		TS, Việt Nam 2012	Sinh học	Công nghệ vi sinh		
99	Nguyễn Thị Tuyết		TS, VQ Bi, 2010	Công nghệ sinh học	Nuôi cấy mô, tế bào, tuyển trùng		
100	Vũ Đăng Toàn		TS, Hàn Quốc, 2012	Công nghệ sinh học	Sinh học phân tử		
101	Nguyễn Thị Ngọc Trúc		TS	Sinh học	Sinh học phân tử		
102	Chung Anh Dũng		TS	Động vật	Chăn nuôi ĐV		

V. M. S. M. S.

103	Lê Hùng Lĩnh	PGS, 2017	TS, Hàn Quốc, 2008	Sinh học phân tử	Chọn giống phân tử; CN gen		
104	Phạm Thị Lý Thu		TS, VN	Sinh học	Sinh lý thực vật, CN tế bào		
105	Nguyễn Xuân Thắng		TS, Mỹ	Công nghệ sinh học	CN gen, chọn giống phân tử		
106	Trần Ngọc Thạch		TS, Ấn Độ	Công nghệ sinh học	CN gen, chọn giống phân tử		